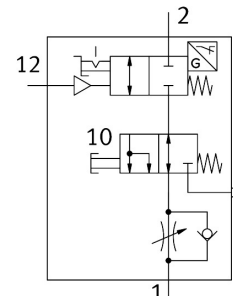


# Van đóng mở VBOC-L2-E-S7-P-M12-G38-E

Số bộ phận: 8177445

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                                                             | Giá trị                                               |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                                                                        | 2/2 đóng đơn ổn định                                  |
| Chọn chức năng bổ sung                                                                               | Chức năng một chiều tiết lưu khí xả                   |
| Cổng nối khí nén 1                                                                                   | G3/8                                                  |
| Cổng nối khí nén 2                                                                                   | G3/8                                                  |
| Kiểu vận hành                                                                                        | khí nén                                               |
| Kiểu gắn                                                                                             | vặn được<br>với ren ngoài                             |
| Lưu lượng danh định theo hướng tiết lưu được chuẩn hóa theo ISO 8778                                 | 430 l/ph                                              |
| Lưu lượng danh nghĩa theo hướng một chiều được chuẩn hóa theo ISO 8778                               | 640 l/ph...730 l/ph                                   |
| Lưu lượng bình thường theo hướng tiết lưu 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi) theo tiêu chuẩn ISO 8778  | 670 l/ph                                              |
| Lưu lượng bình thường theo hướng một chiều 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi) theo tiêu chuẩn ISO 8778 | 1080 l/ph...1250 l/ph                                 |
| Áp suất vận hành                                                                                     | 0.05 MPA...1 MPA<br>0.5 bar...10 bar                  |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                                                       | -5 °C...60 °C                                         |
| Môi chất vận hành                                                                                    | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                  |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                                                                  | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU   |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                                                                | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS |
| Vị trí lắp đặt                                                                                       | bất kỳ                                                |
| Chọn chức năng bổ sung 2                                                                             | thông hơi bằng tay                                    |
| Tính chất đặc biệt                                                                                   | Có khả năng chống tia lửa hàn                         |
| Loại đệm kín trên ngông vận vít                                                                      | Vòng đệm                                              |
| Nút ghi đè                                                                                           | khớp                                                  |
| Kiểu cài đặt lại                                                                                     | lò xo cơ học                                          |
| kiểm soát cung cấp không khí                                                                         | bên ngoài                                             |
| Chức năng thông hơi bằng tay                                                                         | quét                                                  |

| Đặc tính                                  | Giá trị                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên tắc đo lường                       | cảm ứng                                                                                                                                 |
| Chức năng phần tử chuyển mạch             | Cơ cấu mở                                                                                                                               |
| xoay                                      | 360 độ/không được phép xoay liên tục                                                                                                    |
| Cảm biến bảo vệ phân cực ngược            | cho tất cả các cổng nối điện                                                                                                            |
| Lưu ý về lấy mẫu động bất buộc            | Thông tin hiện tại về chủ đề này có thể được tìm thấy trong Báo cáo kỹ thuật V                                                          |
| Truy vấn vị trí chuyển mạch               | Vị trí nghỉ ngơi với cảm biến                                                                                                           |
| áp suất tắt                               | 0.05 MPA...0.2 MPA                                                                                                                      |
| áp suất bật                               | 0.15 MPA...0.4 MPA                                                                                                                      |
| Khí nén ngoài phạm vi                     | 0.04 MPA                                                                                                                                |
| Áp suất điều khiển                        | 0.1 MPA...1 MPA<br>1 bar...10 bar<br>14.5 psi...145 psi                                                                                 |
| Thời gian chuyển mạch tắt                 | 25 ms                                                                                                                                   |
| Thời gian chuyển mạch bật                 | 10 ms                                                                                                                                   |
| Điện áp hoạt động danh định DC            | 24 V                                                                                                                                    |
| Đầu ra chuyển mạch                        | PNP                                                                                                                                     |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển     | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                                                           |
| Lớp chống ăn mòn KBK                      | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                                                  |
| Tuân thủ LABS                             | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                      |
| Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion       | Phù hợp cho sản xuất pin theo định nghĩa nội bộ của Festo ở mức độ nghiêm trọng F1A với các hạn chế liên quan đến việc sử dụng Cu/Zn/Ni |
| Nhiệt độ trung bình                       | -5 °C...60 °C                                                                                                                           |
| Môi chất kiểm soát                        | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                                                    |
| Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa          | 13 N m                                                                                                                                  |
| Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa  | ± 20 %                                                                                                                                  |
| Vít điều chỉnh mômen truyền động cho phép | 2.5 N m                                                                                                                                 |
| trọng lượng sản phẩm                      | 216 g                                                                                                                                   |
| Dải điện áp hoạt động DC cảm biến         | 10 V...30 V                                                                                                                             |
| Cảm biến điện trở ngắn mạch               | có                                                                                                                                      |
| Cảm biến dòng điện không tải              | 10 mA                                                                                                                                   |
| Dòng điện đầu ra tối đa cảm biến          | 200 mA                                                                                                                                  |
| Sụt áp cảm biến                           | 3 V                                                                                                                                     |
| Cổng nối điện 1, chức năng                | Đầu ra chuyển mạch                                                                                                                      |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối             | Cáp có giắc cắm                                                                                                                         |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối        | M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101                                                                                                 |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây          | 4                                                                                                                                       |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng   | 3                                                                                                                                       |
| Chiều dài cáp                             | 0.3 m                                                                                                                                   |
| Cổng nối khí điều khiển 12                | G1/8                                                                                                                                    |
| Ghi chú vật liệu                          | Tuân thủ RoHS                                                                                                                           |
| Vật liệu của phốt                         | HNBR<br>NBR<br>TPE-U (PU)                                                                                                               |
| Vật liệu vít rỗng                         | Hợp kim nhôm rèn                                                                                                                        |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                       | PVC                                                                                                                                     |
| Vật liệu đai ốc có khóa                   | Hợp kim nhôm rèn                                                                                                                        |
| Vít điều chỉnh vật liệu                   | thép không gỉ hợp kim cao                                                                                                               |
| Vật liệu cổng nối xoay                    | Hợp kim nhôm rèn                                                                                                                        |
| Vật liệu bộ gá cảm biến                   | thép không gỉ hợp kim cao                                                                                                               |
| Vật liệu đai ốc khóa                      | thép không gỉ hợp kim cao                                                                                                               |